

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TT  
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06-8-2021

“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH PT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lương Viết Tú

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Lâm

Ông Đoàn Hồng Canh

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên toà:** Bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Khu 17, xã X, huyện TT, tỉnh PT.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT: Khu 17, xã X, huyện TT, tỉnh PT.

Chỗ hiện nay: Khu 3, xã Đ, huyện TT, tỉnh PT. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau ngày 26/10/2016, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện TT, tỉnh PT. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại xã X, cuộc sống vợ chồng mới đầu hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng hợp nhau trong công việc và trong cuộc sống. Từ đầu năm 2019 vợ

chồng đã sống ly thân, chị N đã về nhà bố mẹ tại xã Đ, huyện TT sinh sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 12/6/2017, hiện đang ở cùng chị N. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu H1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh xác định không có nên không đề nghị giải quyết.

\*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Nguyễn Thị N đến làm việc và thông báo cho chị N đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên chị đều vắng mặt không đến mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*\*Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Quyền và bà Nguyễn Thị Nghĩa – bố mẹ đẻ của chị N trình bày:*

Anh H và chị N Kết hôn với nhau năm 2016, quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không cùng chung xây dựng cuộc sống gia đình, bất đồng quan điểm. Chị N đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, tuy nhiên chị N bận công việc nên không đến được Tòa án. Chị N cũng đã bàn bạc với ông bà và thể hiện quan điểm: Do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H đề nghị ly hôn, chị đồng ý. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh H và chị N theo quy định của pháp luật.

*\*Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân, Hội phụ nữ và Công an xã X xác định:* Anh H và chị N đăng ký kết hôn với nhau ngày 26/10/2016 tại UBND xã X, huyện TT. Vợ chồng anh H, chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 12/6/2017 và đều đăng ký hộ khẩu tại Khu 17, xã Hoàng Xá. Quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Kể từ năm 2019 đến nay, chị N đưa cháu H1 về nhà bố mẹ đẻ của chị N để ở tại Khu 3, xã Đ, huyện TT. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ và trẻ em.

***\*Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:***

*-Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, xử cho anh H được ly hôn chị N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang HI cho chị N trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có mặt để thể hiện quan điểm nên không xem xét giải quyết, sau ly hôn sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, tuy nhiên sau ly hôn nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã thông báo cho chị N về việc thụ lý vụ án, và nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị N đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên chị N đều vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không tiến hành hoà giải được, căn cứ Khoản 1, Điều 207 BLTTDS, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

#### **2. Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H kết hôn với chị N vào ngày 26/10/2016, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã X, huyện TT, tỉnh PT, đây một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống nhau tại xã X, cuộc sống vợ chồng mới đầu hạnh phúc sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng hợp nhau trong công việc và trong cuộc sống. Từ năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân, chị N đã về nhà bố mẹ tại xã Đ, huyện TT sinh sống hai bên không còn quan tâm đến nhau.

Qua việc xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị N tại gia đình bố mẹ chị N là ông Quyền, bà Nghĩa và tại UBND xã X nơi hai bên cư trú, thể hiện: Chị N và anh H đã sống ly thân từ năm 2019, hai bên không còn quan tâm đến nhau, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Anh H đề nghị ly hôn chị N, thông qua bố mẹ để chị N thể hiện quan điểm đồng ý việc ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị N đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không hợp tác hòa giải. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, xử cho anh được ly hôn chị N là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh H, chị N có 01 con chung là Nguyễn Quang H1, sinh ngày 12/6/2017, đang ở cùng chị N. Hiện cháu H1 còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, anh H nhất trí. Vì vậy HĐXX xét thấy cần giao cháu H1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh H có đề nghị cấp dưỡng theo pháp luật nếu chị N yêu cầu, chị N thông qua bố mẹ là ông Quyền và bà Nghĩa xác định không yêu cầu cấp dưỡng, do chị N không có mặt để thể hiện quan điểm cụ thể về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, nên HĐXX không xem xét giải quyết, sau ly hôn Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh H xác định không có nên không đề nghị giải quyết, tuy nhiên sau ly hôn nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí DSST: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

\* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

\* Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 12/6/2017 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu H1 thành niên.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung HĐXX không xem xét giải quyết, sau ly hôn Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

*Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002768 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh PT.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu HS- VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Lương Viết Tú**